BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 07 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

1. **Mục lục** -

2. **Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2021** 1

3. **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh** 3

   cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 30 tháng 09 năm 2021

4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** 4

   cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 30 tháng 09 năm 2021

5. **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** 6

   cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 30 tháng 09 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 *Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**625.253.659.006**	**487.339.417.732**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**147.164.552.431**	**36.502.932.080**
Tiền	111		129.664.552.431	24.002.932.080
Các khoản tương đương tiền	112		17.500.000.000	12.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**387.349.827.091**	**401.299.609.101**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	307.718.070.380	389.235.330.399
Trả trước cho người bán	132	V.03	37.391.179.510	5.680.639.685
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	55.865.787.440	18.921.469.256
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(13.625.210.239)	(12.537.830.239)
Hàng tồn kho	**140**		**87.825.414.056**	**46.229.740.358**
Hàng tồn kho	141	V.06	87.825.414.056	46.229.740.358
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.913.865.428**	**3.307.136.193**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	2.855.805.525	3.195.455.026
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		58.059.903	111.681.167
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.002.069.452.419**	**1.030.656.254.140**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**V.08**	**3.288.500.000**	**3.331.000.000**
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		3.100.000.000	3.100.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		188.500.000	231.000.000
Tài sản cố định	**220**		**701.140.113.850**	**674.489.739.198**
Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	700.730.193.861	673.566.518.235
- Nguyên giá	*222*		*1.960.154.844.110*	*1.931.273.301.047*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(1.259.424.650.249)*	*(1.257.706.782.812)*
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	409.919.989	923.220.963
- Nguyên giá	*225*		*975.999.999*	*1.762.216.362*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(566.080.010)*	*(838.995.399)*
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	*228*		*448.600.000*	*448.600.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(448.600.000)*	*(448.600.000)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		***4.642.983.158***	***4.642.983.158***
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	4.642.983.158	4.642.983.158
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**266.271.770.000**	**301.473.200.000**
Đầu tư vào công ty con	251	V.13	145.022.400.000	145.022.400.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	121.249.370.000	156.450.800.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**26.726.085.411**	**46.719.331.784**
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	26.726.085.411	46.719.331.784
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.627.323.111.425**	**1.517.995.671.872**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 *Đơn vị tính: VND*

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**948.380.878.143**	**853.756.365.111**
Nợ ngắn hạn	**310**		**435.529.947.832**	**418.549.309.800**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	81.530.437.906	126.532.434.852
Người mua trả tiền trước	312	V.17	25.587.100.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	4.945.781.971	11.121.184.717
Phải trả người lao động	314		7.620.930.021	4.372.944.350
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	156.988.954.000	44.316.718.697
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.036.543.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	40.103.735.637	30.199.940.377
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	108.181.802.780	197.245.332.034
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	4.534.662.517	4.760.754.773
Nợ dài hạn	**330**		**512.850.930.311**	**435.207.055.311**
Phải trả dài hạn khác	337	V.23	23.700.000	23.700.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24	512.827.230.311	435.183.355.311
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**678.942.233.282**	**664.239.306.761**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.25**	**678.942.233.282**	**664.239.306.761**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		265.000.000.000	265.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		239.272.619.854	203.020.614.134
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.872.565.779	26.872.565.779
Lợi nhuận chưa phân phối	421		147.797.047.649	169.346.126.848
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*55.830.718.555*	*48.506.107.780*
LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*91.966.329.094*	*120.840.019.068*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.627.323.111.425**	**1.517.995.671.872**

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

Người lập	Kế Toán trưởng	Tổng Giám Đốc
TRẦN QUỐC BẢO	VŨ QUANG TIẾN	LÊ ĐĂNG PHÚC